

CÔNG TY CỔ PHẦN PUNKIN VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PUNKIN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM PUNKIN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET NAM PUNKIN ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107476803

3. Ngày thành lập: 16/06/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 5 phố Ông Ích Khiêm, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0462600643

Fax: 0462600643

Email: punkinvn@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chăn nuôi gia cầm	0146
2.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
3.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
4.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
5.	Khai thác và thu gom than non	0520
6.	Khai thác dầu thô	0610
7.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
8.	Khai thác quặng sắt	0710
9.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (trừ loại Nhà nước cấm)	0722
10.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
11.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
12.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
13.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
16.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc chỉ được kinh doanh những ngành nghề kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định pháp luật).	1010
17.	In ấn	1811
18.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229

20.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn. (Không bao gồm: kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5510
21.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ loại Nhà nước cấm)	4662
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
25.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
26.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
27.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm: kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5610
28.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) (Không bao gồm: kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5621
29.	Dịch vụ ăn uống khác (Không bao gồm: kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5629
30.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
31.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
32.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
33.	Tái chế phế liệu	3830
34.	Xây dựng nhà các loại	4100
35.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
36.	Xây dựng công trình công ích	4220
37.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
38.	Phá dỡ	4311
39.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm: hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4312
40.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
41.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
42.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
43.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
44.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
45.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
46.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
47.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
48.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
49.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610

50.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
51.	Bán buôn đồ uống	4633
52.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
53.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
54.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
55.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (không bao gồm: thiết bị thu phát sóng)	4652
56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
57.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
58.	Quảng cáo (Không bao gồm: quảng cáo thuốc lá)	7310
59.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
60.	Cho thuê xe có động cơ	7710
61.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
62.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
63.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐOÀN TRỌNG SINH	Thôn Chi Trì Nam, Xã Thụy Trường, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	144.000	1.440.000.000	48,000	B2722054	
			Tổng số	144.000	1.440.000.000	48,000		
2	BÙI THU THỦY	Nhà E5, tổ 19, Phường Tân Hòa, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hoà Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.000	60.000.000	2,000	113119372	
			Tổng số	6.000	60.000.000	2,000		

3	NGUYỄN VĂN PHÚ	Thôn Bái Giang, Xã Tân Lăng, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	50,000	125084094	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	50,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN PHÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/12/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125084094

Ngày cấp: 08/10/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bái Giang, Xã Tân Lăng, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 5 Ông Ích Khiêm, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội